

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2018/DS-ST.

Ngày: 06/02/2018.

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Minh Phong.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thùy Trang

2. Bà Trần Thị Phiến.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thu Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên toà: Ông Trần Cao Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018, tại Trụ sở tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 326/2017/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2017 về “Tranh chấp xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXX-ST ngày 11 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đào Thị Ngọc Đ, sinh năm 1970;

Địa chỉ: ấp Tân Hòa, xã Tân Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp;

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1968;

Địa chỉ: tổ 04, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp;

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/02/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Chị Đào Thị Ngọc Đ trình bày: Chị Đào Thị Ngọc Đ và Anh Nguyễn Văn S do quen biết nên tiến đến hôn nhân và tổ chức lễ cưới năm 1993. Đến ngày 06/12/2005 thì Chị Đ và Anh S đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phú, thời gian đầu chung sống thì anh, chị chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên được một thời gian thì Anh S thường xuyên đánh Chị Đ, chị đã nhiều lần báo với chính quyền địa phương để giải quyết nhưng sau khi được chính quyền địa phương hòa giải thì Anh S cứ hứa sửa đổi rồi cho đến nay Anh S vẫn không thay đổi và từ đó cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không còn hạnh phúc, hiện anh, chị đã ly thân. Nay Chị Đ xác định là không còn tình cảm với Anh S nên Chị Đ yêu cầu được ly hôn với Anh S.

- Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 07/4/1994 và Nguyễn Thị Yên N, sinh ngày 23/9/2001. Chị Đ yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn Thị Yên N. Riêng con chung Nguyễn Văn T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đ không yêu cầu Anh S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Đ và Anh S tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 17/11/2017 Anh Nguyễn Văn S trình bày: Anh S và Chị Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ thời gian nào thì anh không nhớ, có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 06/12/2005, thời gian đầu Anh S và Chị Đ chung sống hạnh phúc. Trong quá trình Anh S chung sống với Chị Đ thì vợ chồng có cự cãi nhau nhưng mâu thuẫn không trầm trọng và nguyên nhân dẫn đến Anh S và Chị Đ cự cãi nhau là do Anh S không đồng ý cho Chị Đ làm việc tại quán nhậu. Anh S cho rằng hiện tại anh và Chị Đ vẫn còn sống chung nhà và anh Vẫn còn tình cảm với Chị Đ cho nên Chị Đ xin ly hôn Anh S không đồng ý.

Về con chung: Anh S thống nhất theo lời trình bày của Chị Đ. Đối với con chung Nguyễn Thị Yên N chưa đến tuổi trưởng thành nhưng nếu Yên N muốn sống với ai thì Anh S cũng đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh S không cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán đã thực hiện đúng qui định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách của người tham gia tố tụng, thu thập đầy đủ chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án. Về thời hạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 BLTTDS. Việc gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử thực hiện đúng theo qui định của BLTTDS.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn nhiều lần vắng mặt không lí do dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ là không chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 53, 56, 81 luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Đào Thị Ngọc Đ được ly hôn với Anh Nguyễn Văn S; giao con chung Nguyễn Thị Yến N cho Chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, việc Chị Đ không yêu cầu Anh S cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên cần công nhận. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị Đ phải nộp án phí theo quy định.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc Chị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng dân sự: Chị Đào Thị Ngọc Đ có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết việc hôn nhân của chị và Anh S. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Bị đơn Anh Nguyễn Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị Ngọc Đ và Anh Nguyễn Văn S do quen biết nên tiến đến hôn nhân và tổ chức cưới vào năm 1993. Đến ngày 06/12/2005 thì Chị Đ và Anh S đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phú theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 06 tháng 12 năm 2005, nên xác định hôn nhân giữa Chị Đ và Anh S là [phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình 2014](#).

Quá trình chung sống thời gian đầu chung sống thì anh, chị chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên được một thời gian thì Anh S và Chị Đ thường mâu thuẫn dẫn đến bạo lực gia đình. Sau khi được chính quyền địa phương hòa giải thì Anh S có hứa sửa đổi nhưng cho đến nay Anh S vẫn không thay đổi và từ đó cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không còn hạnh phúc. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay Chị Đ xác định là không còn tình cảm với Anh S.

Xét yêu cầu của Chị Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị Đ và Anh S thường phát sinh mâu thuẫn và Anh S có hành vi xúc phạm, đánh đập Chị Đ nên dẫn đến gia đình không hạnh phúc. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử có phân tích động viên Chị Đ trở về đoàn tụ nhưng Chị Đ không đồng ý và tha thiết yêu cầu được ly hôn. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn giữa Chị Đ và Anh S đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hai bên đã ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị Đ và Anh S.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 17/11/2017, Anh Nguyễn Văn S cho rằng anh còn tình cảm với Chị Đ nên Anh S không đồng ý ly hôn với Chị Đ. Hội đồng xét xử nhận thấy: Hôn nhân bền vững phải dựa trên cơ sở tự nguyện, thương yêu, quý trọng giúp đỡ lẫn nhau nhưng ngược lại Anh S lại hay dùng vũ lực xúc phạm, đánh đập Chị Đ dẫn đến cuộc hôn nhân anh, chị không hạnh phúc và sống ly thân với nhau. Mặc khác trong suốt một thời gian sống ly thân nhưng Anh S cũng không có cách

nào để vợ chồng đoàn tụ. Nếu buộc Chị Đ trở về chung sống với Anh S thì cũng không tạo được một gia đình hạnh phúc, bền vững. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị Đ với Anh S là phù hợp.

3. Về con chung: Chị Đ và Anh S đều thống nhất trong quá trình anh chị chung sống với nhau như vợ chồng thì anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 07/4/1994 và Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 23/9/2001. Nguyễn Văn T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu Nhi đang sống với Chị Đ, nay Chị Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung Nguyễn Thị Yến N và không yêu cầu Anh S cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy từ khi Chị Đ và Anh S không còn chung sống với nhau việc nuôi dưỡng cháu N là do Chị Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng, theo ý kiến của cháu N trong trường hợp cha mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được sống với mẹ là Chị Đ về phía Anh S cũng không có yêu cầu được nuôi con chung mà thống nhất nếu các con ý kiến thế nào thì Anh S đồng ý như vậy. Do đó việc giao con chung Nguyễn Thị Yến N cho Chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành hoặc khi Anh S có yêu cầu khác là có căn cứ để chấp nhận.

Không ai được quyền ngăn cản Anh S đến thăm nom chăm sóc con chung.

4. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đ không yêu cầu Anh S cấp dưỡng nuôi con và Anh S cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

5. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đ và Anh S đều thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đ là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về tố tụng và có ý kiến về việc giải quyết vụ án như đã phân tích trên là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35, Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho Chị Đào Thị Ngọc Đ được ly hôn với Anh Nguyễn Văn S.

2/. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Yến N cho chị Đào Thị Ngọc Đ được nuôi dưỡng. Anh S không cấp dưỡng nuôi con, Anh S được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4/. Về án phí: Chị Đào Thị Ngọc Đ phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 12321 ngày 30/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

5/. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi cục Thi hành án dân sự h. Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.^(p)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Minh Phong